

BẢNG KẾT QUẢ THI**Kỳ thi: Tốt nghiệp năm 2020****Phòng thi:****Môn thi: Chính trị (Hệ CĐ)****Ca thi: 8h00****Ngày thi: 20/10/2020**

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Điểm	Ký tên	Ghi chú
1	TN0001	18510150006	Đàm Tuấn	Anh	5,0		
2	TN0002	18510150014	Đào Vân	Anh	6,5		
3	TN0003	18510140002	Phạm Hoàng	Anh	6,0		
4	TN0004	18510150018	Trần Tuấn	Anh	7,0		
5	TN0005	18510150033	Nguyễn Thanh	Bình	5,0		
6	TN0006	18510150008	Đinh Văn	Chương	5,0		
7	TN0007	18510150007	Hoàng Văn	Cường	6,0		
8	TN0008	18510150031	Nguyễn Việt	Cường	5,0		
9	TN0009	18510150032	Nguyễn Quốc	Đạt	5,0		
10	TN0010	18510000059	Nguyễn Trung	Đông	6,0		
11	TN0011	18510140003	Đỗ Tuấn	Dũng	6,0		
12	TN0012	18510000009	Nghiêm Xuân	Duy	6,0		
13	TN0013	18510150010	Bùi Công	Hung	6,0		
14	TN0014	18510150011	Trần Duy	Hưởng	5,0		
15	TN0015	18510000031	Đặng Trung	Kiên	6,0		
16	TN0016	18510150019	Nguyễn Thành	Long	0,0		
17	TN0017	18510140001	Nguyễn Đức	Minh	7,0		
18	TN0018	18510150027	Nguyễn Quang	Minh	6,0		
19	TN0019	18510000048	Hoàng Minh	Quang	6,0		
20	TN0020	18510150009	Nguyễn Hoàng	Quý	6,0		
21	TN0021	18510140005	Nguyễn Thanh	Tâm	6,5		
22	TN0022	18510000057	Hoàng Phúc	Tân	5,0		
23	TN0023	18510150030	Đinh Ngọc	Thắng	7,0		
24	TN0024	18510810001	Đinh Thu	Thủy	7,0		
25	TN0025	18510150025	Chu Mạnh	Tiến	6,0		
26	TN0026	18510150013	Vũ Trí	Trung	6,0		
27	TN0027	18510150001	Trần Anh	Tuấn	7,0		
28	TN0028	18510150022	Nguyễn Văn	Tuệ	6,0		

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Điểm	Ký tên	Ghi chú
29	TN0029	18510150015	Tạ Anh	Văn	6,0		
30	TN0030	18510150021	Nguyễn Văn	Đức	5,0		
31	TN0031	18510000037	Cao Thị Ngọc	Anh	5,0		
32	TN0032	18510620002	Vũ Hoàng Phương	Bắc	5,0		
33	TN0033	18510000020	Nguyễn Thế	Chung	5,0		
34	TN0034	18510000061	Nguyễn Văn	Cường	5,0		
35	TN0035	18510000036	Nguyễn Văn	Đạt	6,0		
36	TN0036	18510000003	Đoàn N Quang	Duy	5,0		
37	TN0037	18510000021	Đinh Phú	Hậu	5,0		
38	TN0038	18510000014	Hoàng Văn	Hiệp	5,0		
39	TN0039	18510000035	Phạm Mạnh	Hùng	5,0		
40	TN0040	18510000033	Lê Đình	Khánh	6,0		
41	TN0041	18510000025	Đoàn Đức	Linh	6,0		
42	TN0042	18510000017	Nguyễn Hoàng	Long	5,0		
43	TN0043	18510000024	Hoàng Lê	Minh	5,0		
44	TN0044	18510000042	Vũ Ngọc	Nam	5,0		
45	TN0045	18510000032	Tô Quốc	Phong	7,0		
46	TN0046	18510000043	Lê Văn	Quang	5,0		
47	TN0047	18510000008	Lưu Minh	Quang	6,0		
48	TN0048	18510000045	Nguyễn Đăng	Quý	5,0		
49	TN0049	18510000019	Vũ Đức	Thuận	6,0		
50	TN0050	18510000015	Vũ Minh	Tiến	6,0		
51	TN0051	18510620003	Nguyễn Văn	Toàn	7,0		
52	TN0052	18510000013	Vũ Đình	Trung	6,0		
53	TN0053	18510000007	Nguyễn Trọng	Trường	5,0		
54	TN0054	18510000016	Nguyễn Xuân	Tuyên	5,0		
55	TN0055	18510000046	Phạm Xuân	Tuyền	7,0		
56	TN0056	1751110066	Nguyễn Đăng	Biên	7,0		
57	TN0057	1751110117	Lê Mạnh	Hùng	0,0		
58	TN0058	1751110064	Trần Tuấn	Anh	0,0		
59	TN0059	1751110095	Phạm Xuân	Huy	7,0		
60	TN0060	1351110556	Cao Trường	Mạnh	7,0		
61	TN0061	1751110084	Lù Lò	Giá	5,0		
62	TN0062	1751110012	Lê Văn	Linh	6,0		
63	TN0063	1751110024	Vũ Anh	Tuấn	6,0		
64	TN0064	1751110025	Nguyễn Xuân	Tùng	6,0		
65	TN0065	1751110022	Tạ Trung	Tiến	6,0		

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Điểm	Ký tên	Ghi chú
66	TN0066	1751430038	Nguyễn Trần	Tiến	5,0		
67	TN0067	1751430043	Ngô Sỹ	Trình	5,0		
68	TN0068	1751430022	Phạm Duy	Khương	7,0		
69	TN0069	1751020007	Trương Hồng	Hải	5,0		
70	TN0070	1751020022	Lê Xuân	Việt	6,0		
71	TN0071	1751020021	Nguyễn Phan Huy	Tùng	0,0		
72	TN0072	1451110018	Phạm Hữu	Điệp	0,0		
73	TN0073	1551410007	Nguyễn Trung	Hiếu	5,0		
74	TN0074	1351110575	Nguyễn Văn	Thành	0,0		
75	TN0075	1751110082	Bùi Đức Thái	Dương	5,0		